

Mã số mẫu / Sample ID: 260720008

BN: 260720008

Trang / Page: 1 / 1

ANALYTICAL RESULTS

Tên mẫu / Sample name: Cà phê latte Sen hòa tan



THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	413	Kcal	20.7
Chất béo (Total fat)	9.18	g	16.4
Carbohydrat (Carbohydrate)	78.3	g	24.1
Đường tổng số (Total Sugars)	61.4	g	-
Chất đạm (Protein)	4.35	g	8.7
Natri (Sodium)	411	mg	20.6
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient Reference Values-NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng			

Bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo đối với mẫu thử trên
The nutrition facts are provided only as a reference for the sample encoded above

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



VILAS 357

BN: 260720008

Trang/ Page 1 / 2

Tên khách hàng / Client name: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI UFO
Địa chỉ / Address: Tầng 1, Tòa nhà số 109 - 111, Đường 08, KDC Trung Sơn, Xã Bình Hưng,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260720008
Tên mẫu/ Name of Sample : Cà phê latte Sen hòa tan
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 20 / 07 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 20 / 07 / 2026 - 30 / 07 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 30 / 07 / 2026



Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Caffeine	0.14	g/100g		HD.TN.057: 2018 (Ref: Agric Food Chem, 45 (1997) 3973 – 3975) (*)
Carbohydrate (Không bao gồm Xơ)	78.3	g/100g		Calculated Value (FAO, Food & Nutrition P. 77, 2003)
Chất béo (Total Fat)	9.18	g/100g		HD.TN.023: 2017 (Ref. AOAC 996.06) (*)
Chất đạm (Protein) (N*6.25)	4.35	g/100g		HD.TN.038:2021 (Ref. AOAC 928.08) (*)
Độ ẩm (Moisture content) (Sấy chân không ở 70°C)	2.85	g/100g		HD.TN.047:2017 (*)
Đường tổng số (Total Sugars) (Tính theo saccharose)	61.4	g/100g		HD.TN.061:2018 (Ref: EC 152-2009 & TCVN 4594:1988) (*)
Na (Natri) (Sodium)	411	mg/100g		HD.TN.226:2017 (Ref. AOAC 999.11 & AOAC 993.14) (*)
Năng lượng (Energy)	413	Kcal/100g		Calculated Value (FAO, Food & Nutrition P. 77, 2003) – TT30
Tro tổng (Ash total) (550°C)	2.02	g/100g		HD.TN.037: 2017 (*)
Aflatoxin M1	KPH/ N.D	µg/kg	0.15	HD.TN.217: 2021 (Ref. Anal. Bioanal Chem. (2010) 397:765-776) (*)
Ochratoxin A	KPH/ N.D	µg/kg	0.6	HD.TN.075: 2023 (Ref. AOAC 2000.09) (*)
As (Arsen tổng) (Total Arsenic)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Cd (Cadimi) (Cadmium)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)
Hg (Thủy ngân) (Mercury)	KPH/ N.D	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01) (ICP/MS) (*)

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử như trên/ The result only valid for the sample encoded as above.
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu như không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty/ The result shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
ANALYTICAL RESULTS



VILAS 357

BN: 260720008

Trang/ Page 2 / 2

Tên khách hàng / Client name: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI UFO
Địa chỉ / Address: Tầng 1, Tòa nhà số 109 - 111, Đường 08, KDC Trung Sơn, Xã Bình Hưng,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số mẫu / Sample ID : 260720008
Tên mẫu/ Name of Sample : Cà phê latte Sen hòa tan
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao bì kín
Nền mẫu / Matrix : Thực phẩm
Ngày nhận mẫu/ Date of sample received : 20 / 07 / 2026
Thời gian phân tích/ Time of analysis : 20 / 07 / 2026 - 30 / 07 / 2026
Ngày trả kết quả / Date of result delivered : 30 / 07 / 2026

Chỉ tiêu phân tích Parameter (s)	Kết quả Result	Đơn vị Unit	LOD	Phương pháp Method
Pb (Chì) (Lead)	<0.05	mg/kg	0.015	HD.TN.062: 2025 (Ref. AOAC 2015.01)(ICP/MS) (*)
<i>Bacillus cereus</i>	<10	CFU/g		ISO 7932:2004/Amd.1:2020 (*)
<i>Coliforms</i>	<10	CFU/g		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007) (*)
<i>Escherichia coli</i>	<10	CFU/g		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) (*)
<i>Salmonella</i> spp.	Không phát hiện	/25g		ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020 (*)
<i>Staphylococcus aureus</i>	<10	CFU/g		AOAC 975.55 (*)
Tổng số nấm men-nấm mốc (Yeast and Molds)	<10	CFU/g		TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (*)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (Total plate counts)	8.0×10^1	CFU/g		ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022 (*)

Ghi chú / Note:

KPH / N.D: Không phát hiện / Not Detected; LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of Detection.

(*) Phương pháp được Vilas (ISO/IEC 17025:2017) công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS) (ISO/IEC 17025:2017)

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g (<10 CFU/g) khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g (<10 CFU/g) when the dish contains no colony

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

M.S. Trinh Thi Minh Nguyet



Giám đốc
Director

MBA. Nguyen Thi Kieu Hanh